

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 332/2020/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp
ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2020 - 2025
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
ĐẾN	Số: 96
	Ngày: 30/7/20
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 29/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-HĐND ngày 13/7/2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Chính sách này áp dụng đối với các dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng quy mô (tính từ thời điểm chính sách này có hiệu lực) và doanh nghiệp phải đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đầu tư đã cam kết.

2. Thời điểm được xét cấp ưu đãi và hỗ trợ: Khi doanh nghiệp hoàn thành dự án hoặc hoàn thành theo phân kỳ đầu tư của dự án và dự án đi vào hoạt động theo đúng nội dung, tiến độ đã cam kết, trên cơ sở hồ sơ thiết kế dự toán được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định và khối lượng thực tế thi công nghiệm thu, thanh quyết toán.

3. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

Điều 3. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng khu, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ đầu tư hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, cấp thoát nước đến vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% chi phí đầu tư, tối đa không quá 800 triệu đồng/doanh nghiệp.

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư đối với dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên các lĩnh vực như: hoa, rau, củ quả, sản xuất giống (cây trồng, giống cây lâm nghiệp phục vụ trồng rừng), và dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm.

1. Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà xưởng, lắp đặt hệ thống tưới tự động, đóng gói, bảo quản sản phẩm, đầu tư thiết bị sản xuất, giống cây trồng vật nuôi và vật tư.

2. Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa không quá 800 triệu đồng/doanh nghiệp.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đầu tư, hỗ trợ các nội dung tại Nghị quyết này được sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp nông nghiệp, vốn sự nghiệp khoa học công nghệ của ngân sách tỉnh.

2. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa IX, Kỳ họp thứ Hai mươi thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2020. *Kiên*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: QH, CTN, CP;
- Các bộ: Tài chính, NNPTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo VP, các phòng, chuyên viên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đặng Tuyết Em

